

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 11/2017

Chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn Tỉnh Quảng Nam trong tháng 11/2017 tăng 0,34% so với tháng trước (trong đó khu vực thành thị tăng 0,28% và khu vực nông thôn tăng 0,37%). So với tháng 12 năm trước tăng 2,62%; CPI bình quân 11 tháng năm 2017 so với cùng kì năm trước tăng 4,94%. Nguyên nhân tăng giá trong tháng 11 trên địa bàn tỉnh chủ yếu do ảnh hưởng của cơn bão số 12 và ngập lụt trên diện rộng, khiến giá lương thực và một số nhóm thực phẩm tăng cao, bên cạnh do sự điều chỉnh tăng giá xăng dầu đã góp phần tăng chỉ số giá.

Tháng 11/2017: Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 8 nhóm tăng, 2 nhóm giảm, 1 nhóm ổn định, cụ thể như sau: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,64%); Đồ uống thuốc lá (+0,23%); May mặc, mũ nón, giày dép (+0,22%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,07%); Thuốc và dịch vụ y tế (+0,08%); Giao thông (+0,78%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,02%); Hàng hoá và dịch vụ khác (+0,07%); Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,08%); Bưu chính viễn thông (-0,16%); Riêng nhóm giáo dục trong tháng ổn định. Cụ thể các nhóm hàng hóa tháng 11/2017 như sau:

- **Hàng ăn và dịch vụ ăn uống:** tăng 0,64% so với tháng trước, góp phần tăng CPI chung khoảng 0,25%, trong đó:

- **Nhóm lương thực:** tăng 1,19% so với tháng trước, cụ thể: nhóm gạo tăng 1,78% (trong đó gạo tẻ thường tăng 2,06%, gạo tẻ ngon tăng 0,10%, và gạo nếp tăng 1,49%); Nhóm bột mì và ngũ cốc khác tăng 0,84%, riêng nhóm lương thực chế biến giảm 0,06% do phở ăn liền giảm.

- **Nhóm thực phẩm:** tăng 0,75% so với tháng trước, nguyên nhân chính do ảnh hưởng mưa bão, gây ngập lụt trên diện rộng, các loại rau củ hư hại, nguồn cung hạn chế nên một số mặt hàng thực phẩm tăng giá mạnh như thịt gà, thủy sản tươi sống, các loại rau tươi, khô và chế biến... Cụ thể các nhóm: thịt gia cầm tươi sống tăng 0,88%; thủy sản tươi sống tăng 0,63%; thủy sản chế biến tăng 0,49%, các loại đậu và hạt tăng 1,73%, nhóm rau, tươi, khô và chế biến tăng 7,58%, nhóm gia vị tăng 1,59%.

- **Nhóm ăn uống ngoài gia đình:** tăng 0,23% so với tháng trước do ăn ở quán tăng 0,27%.

- **Nhóm đồ uống thuốc lá:** tăng 0,23% so với tháng trước do nhóm đồ uống không cồn tăng 0,79% (tăng nước khoáng, nước giải khát có ga và nước uống tăng lực); nhóm thuốc hút tăng 0,24%. Riêng nhóm rượu bia trong tháng ổn định.

- **Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép:** tăng 0,22% so với tháng trước, chủ yếu tăng giá áo quần may sẵn như áo khoát, áo len, khăn quàng, găng tay, áo

mưa... cụ thể: nhóm may mặc tăng 0,26%; nhóm may mặc khác và mũ nón tăng 0,47%; giày dép tăng 0,04%.

- **Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng:** giảm (-0,08%) so với tháng trước. Nhóm này giảm chủ yếu do điện sinh hoạt, vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm. Cụ thể các nhóm:

Nhóm nhà ở: tăng 0,11% so với tháng trước trong đó vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,05%, nhóm dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,21%.

Nhóm điện và dịch vụ điện: do nhu cầu tiêu dùng điện sinh hoạt vào mùa mưa giảm nên trong tháng nhóm điện và dịch vụ điện giảm 1,19% so với tháng trước.

Nhóm ga và các loại chất đốt khác trong tháng tăng nhẹ 0,01% so với tháng trước. Chủ yếu tăng do dầu hỏa được điều chỉnh tăng giá 2 lần vào ngày 4/11 và ngày 20/11 với tổng mức tăng 640 đồng/lít, tính bình quân trong tháng dầu hỏa tăng 0,65% so với tháng trước.

- **Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình:** tăng 0,07% so với tháng trước do nhóm đồ dùng trong nhà tăng 0,09%.

- **Nhóm thuốc và dịch vụ y tế:** tăng 0,08% so với tháng trước, do tăng thuốc các loại +0,39% (do tăng thuốc decolgen).

- **Nhóm giao thông:** tăng 0,78% so với tháng trước, góp phần tăng CPI chung khoảng 0,07%. Cụ thể: nhóm phụ tùng tăng 0,43%, nhóm nhiên liệu tăng 1,47% so với tháng trước.

Trong tháng 11/2017 giá xăng, dầu diezen được điều chỉnh tăng 2 lần với tổng mức tăng từ 720-730 đồng/lít đối với xăng, và tăng 600 đồng/lít đối với dầu diezen, tính bình quân trong tháng nhóm xăng, dầu diezen tăng 1,56% so với tháng trước.

- **Nhóm bưu chính viễn thông:** giảm 0,16% so với tháng trước do điện thoại di động giảm 0,96%.

- **Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác:** tăng 0,07% so với tháng trước, trong đó nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 0,08%; nhóm dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,21%.

Theo số liệu thu thập được chỉ số giá vàng tháng 11 giảm 0,45% so với tháng trước, so với tháng 12 năm trước tăng 4,13%.

Đồng đô la Mỹ trong tháng giảm 0,04% so với tháng trước, tính bình quân giá 1 đô la Mỹ trong tháng quy đổi được 22.750 đồng Việt Nam.

Nơi nhận:

- Vụ TK Giá - TCTK (b/c);
- Phòng TK Tổng hợp;
- Lãnh đạo Cục (3b);
- Lưu VT, TM.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Đã ký)
Đặng Phước Cường

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG
VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ**

Chung cả tỉnh

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị tính: (%)

	Chỉ số giá tháng 11/2017 so với (%)				Bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc 2014	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
Chỉ số giá tiêu dùng	110,76	102,85	102,62	100,34	104,94
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,60	99,99	99,47	100,64	100,33
<i>Trong đó: 1- Lương thực</i>	103,40	101,94	101,90	101,19	101,48
<i>2- Thực phẩm</i>	107,16	99,35	98,51	100,75	100,19
<i>3- Ăn uống ngoài gia đình</i>	103,17	100,69	100,69	100,23	100,24
II. Đồ uống và thuốc lá	104,69	101,88	101,85	100,23	101,80
III. May mặc, mũ nón, giày dép	106,90	101,89	101,63	100,22	101,60
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	113,44	109,31	108,75	99,92	106,34
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,83	100,94	100,89	100,07	101,23
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	271,82	106,95	106,95	100,08	156,16
VII. Giao thông	86,99	104,99	105,85	100,78	107,54
VIII. Bưu chính viễn thông	98,20	99,01	99,08	99,84	99,19
IX. Giáo dục	146,57	109,68	109,68	100,00	119,98
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	107,92	102,64	102,61	100,02	102,09
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	110,16	104,05	103,79	100,07	103,36
Chỉ số giá vàng	107,43	99,85	104,13	99,55	102,42
Chỉ số giá đô la Mỹ	107,26	101,60	100,14	99,96	101,71